

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN KRÔNG ANA
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	4	1.45/HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	2	
8	Bình quân học sinh/lớp	35	1.45/HS
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9,916,0	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	48	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 6	367	5 lớp
2	Khối lớp 7	26	5 lớp
3	Khối lớp 8	28	4 lớp
4	Khối lớp 9	26	5 lớp
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	14	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...	01	

IX	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
	Đạt chuẩn vệ sinh*	01				

	Nội dung	Có	Không
X	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIV	Tường rào xây	x	

Dray sap, ngày 23 tháng 9 năm 2023

Hiệu trưởng



Vũ Thu Hương

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 04/23/2024 09:03:2024
bởi Nguyễn Văn Thái (thcs_lqdon_thai) - THCS Lê Quý Đôn